



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

(V/v: Kiểm định – Hiệu chuẩn –

Thử nghiệm Đánh giá độ chính xác tương đối RA

và Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục)

Số: 820/2026/HĐDV/KCN ĐV IV. DOTHIEVTC

Năm 2026

Căn cứ ký kết Hợp Đồng:

Căn cứ vào Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, ngày có hiệu lực 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/09/2013 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc Quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Thông tư 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/07/2019 của Bộ Khoa học Công nghệ về việc Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

Căn cứ Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ vào thỏa thuận và nhu cầu thực tế của hai bên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Công ty chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ VIGLACERA – CN TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

Đại diện : Ông Nguyễn Thanh Bình

Chức vụ : Q.Giám đốc

Địa chỉ : Nhà điều hành Khu công nghiệp Tiên Hải, xã Tiên Hải, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế : 0100108173-016

Điện thoại : 0226.221.6999

Tài khoản : 110000027965 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình – Hà Nội

Người thực hiện Hợp Đồng : Ông Đinh Quốc Toàn - Giám đốc XNQLVH Đồng Văn

Bên B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ KIỂM ĐỊNH MÔI TRƯỜNG

Đại diện : Ông Nguyễn Tiến Đoàn

Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : Số B9, Khu nhà làm việc và chung cư cao tầng, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế : 0109440062

Tài khoản : 19036614124011 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
(Techcombank) – Chi nhánh Hà Tây

Sau khi trao đổi, hai bên cùng thoả thuận ký kết hợp đồng theo các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Bên B nhận Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục cho bên A với nội dung và số lượng kèm theo theo bảng kê của Hợp đồng.

Điều 2. Năng lực thực hiện hợp đồng

Mỗi Bên tại đây cam kết rõ ràng, vô điều kiện và không hủy ngang với Bên còn lại rằng:

- Mỗi Bên đã có được tất cả các cấp phép, chấp thuận và ủy quyền cần thiết để ký kết và thực hiện Hợp đồng này.

- Một khi Hợp đồng này có hiệu lực, các điều khoản và điều kiện nêu tại đây sẽ tạo thành các trách nhiệm pháp lý tương ứng ràng buộc Hai Bên theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổng giá trị hợp đồng:

- Tổng giá trị hợp đồng: **150.787.500 đồng** (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng./.) bao gồm:

+ Dịch vụ Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA: **74.850.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng ./.)

+ Dịch vụ Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị: **75.937.500 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng ./.)

- Loại hợp đồng: Hợp đồng dịch vụ (chi tiết tại bảng kê)

- Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và chi phí đi lại để thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục tại cơ sở.

- Trong trường hợp phát sinh (thiết bị hỏng hóc, thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục, nguyên nhân khác của Bên A dẫn đến không thể thực hiện công việc theo hợp đồng) thì giá trị hợp đồng sẽ cộng thêm chi phí phát sinh tương ứng cho lần kế tiếp theo thỏa thuận của hai bên.

1010
CÔ
Đ
IA TÂN
VIG
CHI NHÁ
VIC
TINH

Điều 4. Điều khoản thanh toán

4.1. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.2. Thời hạn thanh toán:

- Đối với dịch vụ Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA:

+ Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B **50%** tổng giá trị của dịch vụ tương đương số tiền là: **37.425.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.) kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Bên A nhận được giấy đề nghị tạm ứng của Bên B.

+ Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B **50%** giá trị của còn lại tương đương số tiền là: **37.425.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.) trong vòng 15 ngày làm việc trước khi Bên B bàn giao báo cáo (RA) và bản gốc giấy chứng nhận cho Bên A.

- Đối với dịch vụ Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Bên A thanh toán cho Bên B theo từng quý trong vòng 15 ngày làm việc ngay sau khi hai bên hoàn tất nghiệm thu từng quý và Bên B xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

- Sau khi nhận được thanh toán, hồ sơ Bên B bàn giao cho Bên A bao gồm:

- Biên bản kiểm tra thiết bị định kỳ bằng chất chuẩn cho từng tháng (đối với dịch vụ Kiểm tra định kỳ hàng tháng bằng chất chuẩn);
- Giấy chứng nhận Kiểm định – Hiệu chuẩn các phương tiện đo (đối với dịch vụ Kiểm định – Hiệu chuẩn);
- Báo cáo đánh giá độ chính xác tương đối (RA) (đối với dịch vụ Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA)
- Giấy đề nghị thanh toán;
- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

Điều 5. Thời hạn thực hiện

- Thời gian thực hiện được hai bên thống nhất sau khi hợp đồng được ký kết.

+ Đối với dịch vụ Kiểm tra định kỳ hàng tháng bằng chất chuẩn tần suất 1 lần/ tháng.

+ Đối với dịch vụ Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA tần suất 1 lần/ năm.

- Thời gian trả kết quả sau 15 đến 20 ngày làm việc (không tính ngày thứ 7 và chủ nhật) tính từ ngày hoàn thành công việc theo nội dung hợp đồng tại bảng kê.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- Trước khi thực hiện công việc, bên A có trách nhiệm gửi công văn cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (hoặc các ban ngành có liên quan) để thông báo công việc Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Bên A có trách nhiệm bàn giao các thiết bị để Bên B thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn theo bảng kê của hợp đồng.

- Đối với các thiết bị thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối (RA) tại cơ sở, Bên A có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật để theo dõi, giám sát, hướng dẫn thao tác vận hành thiết bị trong quá trình thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối (RA) của Bên B.

- Sau khi kết thúc quá trình Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn tại cơ sở cán bộ kỹ thuật của Bên A có trách ký vào biên bản làm việc hoặc các phiếu nhận mẫu để xác định khối lượng công việc thực hiện tại hiện trường.

- Bên A có trách nhiệm nghiệm thu/ quyết toán/ thanh lý hợp đồng theo tiến độ tại Điều 3 và Điều 4 của hợp đồng.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B bảo mật thông tin về kết quả Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn được Bên B cung cấp.

- Sau khi Bên B tới cơ sở thực hiện kiểm định/ hiệu chuẩn/ kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn mà thiết bị chưa đủ điều kiện để kiểm định/ hiệu chuẩn/ kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn, thì Bên A vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho Bên B theo các trường hợp sau:

+ Kiểm tra bên ngoài và kiểm tra kỹ thuật không đảm bảo yêu cầu để thực hiện, bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí vận chuyển và nhân công của lần đó cho bên B trên cơ sở xác nhận bằng biên bản giữa hai bên.

+ Kiểm tra đo lường: đối với các thông số không đạt yêu cầu kỹ thuật, Quý khách hàng vẫn phải thanh toán 100% Chi phí Dịch vụ Kiểm định/ Hiệu chuẩn/ Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn của những thông số đó và Chi phí thực hiện tại cơ sở cho EVTC.

- Trong trường hợp thiết bị có sai số vượt quá cho phép không thể kiểm định hiệu chuẩn thì Bên A có trách nhiệm khắc phục lại thiết bị. Công việc này sử dụng nhân sự, bình khí chuẩn của Bên A hoặc đơn vị lắp trạm của Bên A thuê.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- Bên B có trách nhiệm thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn thiết bị đáp ứng đúng nội dung quy định trong thông tư 10/2021/TT-BTNMT, số lượng và tiến độ hoàn thành theo quy định tại Điều 1 và Điều 4 của hợp đồng. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ chính xác các số liệu tại thời điểm thực hiện và công bố.

- Bên B có trách nhiệm bảo quản thiết bị của Bên A trong quá trình Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn và bàn giao đầy đủ số lượng thiết bị cho Bên A sau khi kết thúc quá trình Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn.

- Bên B có trách nhiệm dán tem, cấp giấy chứng nhận kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm đối với các thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đo lường. Đối với các thiết bị không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đo lường thì Bên B chỉ cấp biên bản kiểm định/ hiệu chuẩn/ thử nghiệm thông báo về tình trạng thiết bị.

- Bên B có quyền yêu cầu Bên A cử cán bộ hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình thực hiện Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối RA – Kiểm tra định kỳ bằng chất chuẩn.

- Bên B không chịu trách nhiệm về kết quả đo lường đối với các thiết bị đã được Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối (RA); cấp giấy chứng nhận và dán tem đối với trường hợp sau:

- + Thiết bị đã có dấu hiệu điều chỉnh, hiệu chỉnh và thay đổi hệ số, thông số của thiết bị;
- + Các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý, sử dụng thiết bị của Bên A kể từ khi bàn giao kết quả Kiểm định – Hiệu chuẩn – Thử nghiệm, Đánh giá độ chính xác tương đối (RA);
- + Các lỗi kỹ thuật do nhà sản xuất, cung cấp thiết bị, do thiên tai tác động.

Điều 8. Bảo vệ thông tin mật

- Không Bên nào có thể thực hiện bất kỳ thông báo công khai hoặc thông cáo báo chí về sự tồn tại hoặc các điều khoản của Hợp đồng mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên kia.

- Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này là hoàn toàn riêng tư và không được tiết lộ cho bất kỳ Bên thứ ba, ngoại trừ các trường hợp phải cung cấp theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng chỉ trong giới hạn được yêu cầu và Bên được yêu

cầu tiết lộ thông tin phải thông báo trước cho Bên còn lại biết về việc tiết lộ này.

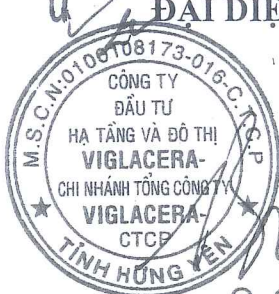
- Điều khoản này vẫn được giữ nguyên hiệu lực trong vòng 12 (mười hai) tháng tiếp theo kể từ ngày Hợp đồng giữa Hai Bên bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

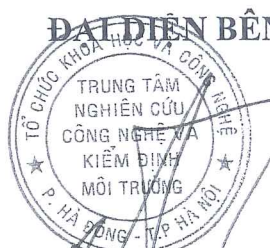
Điều 9. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì trở ngại hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi.

- Trong trường hợp hai bên không tự giải quyết được sẽ thống nhất đưa vụ việc ra Tòa án kinh tế giải quyết, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí do bên sai chịu.

- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.


ĐẠI DIỆN BÊN A

Q. GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Chanh Bình


ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Liên Đoàn

BẢNG KÊ NỘI DUNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN

(Kèm theo Hợp đồng số 820/2026/EVTC – VIGLACERA.DV4 ký ngày tháng năm 2026)

TT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
I	Dịch vụ Kiểm định - Hiệu chuẩn các phương tiện đo Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục				45.150.000	
1	Phương tiện đo pH	1	Thiết bị	5.000.000	5.000.000	Kiểm định
2	Phương tiện đo Nhiệt độ	1	Thiết bị	4.000.000	4.000.000	Hiệu chuẩn
3	Phương tiện đo COD	1	Thiết bị	6.000.000	6.000.000	Kiểm định
4	Phương tiện đo TSS	1	Thiết bị	6.000.000	6.000.000	Kiểm định
5	Phương tiện đo Amoni	1	Thiết bị	6.000.000	6.000.000	Kiểm định
6	Phương tiện đo Lưu lượng kênh hở	1	Thiết bị	7.000.000	7.000.000	Hiệu chuẩn
7	Phương tiện đo Lưu lượng đường ống kín (DN200)	1	Thiết bị	4.000.000	4.000.000	Hiệu chuẩn
8	Phương tiện đo Lưu lượng đường ống kín (DN250)	1	Thiết bị	5.000.000	5.000.000	Hiệu chuẩn
	CỘNG CHƯA VAT				43.000.000	
	THUẾ VAT (5%)				2.150.000	
II	Dịch vụ Đánh giá độ chính xác tương đối (RA) Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục				26.460.000	
1	Phương tiện đo pH	6	mẫu	300.000	1.800.000	Thử nghiệm
2	Phương tiện đo Nhiệt độ	6	mẫu	200.000	1.200.000	Thử nghiệm
3	Phương tiện đo COD	6	mẫu	500.000	3.000.000	Thử nghiệm
4	Phương tiện đo TSS	6	mẫu	500.000	3.000.000	Thử nghiệm
5	Phương tiện đo Amoni	6	mẫu	500.000	3.000.000	Thử nghiệm
6	Phương tiện đo Lưu lượng kênh hở	6	mẫu	400.000	2.400.000	Thử nghiệm
7	Phương tiện đo Lưu lượng đường ống kín (DN200)	6	mẫu	400.000	2.400.000	Thử nghiệm
8	Phương tiện đo Lưu lượng đường ống kín (DN250)	6	mẫu	400.000	2.400.000	Thử nghiệm
	Báo cáo					
	Lập báo cáo kiểm tra chất lượng hệ thống trạm quan trắc gồm: Đánh giá đặc tính kỹ thuật thiết bị; Đánh giá vị trí quan trắc; Đánh giá hệ thống (nếu có); Kiểm tra hệ thống thu thập, lưu trữ và truyền nhận; Kiểm tra nhà trạm và các thiết bị phụ trợ khác ...	1	Báo cáo	6.000.000	6.000.000	
	CỘNG CHƯA VAT				25.200.000	
	THUẾ VAT (5%)				1.260.000	

III	Dịch vụ Kiểm tra định kỳ hàng tháng bằng chất chuẩn Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (Từ tháng 03/2026 đến tháng 12/2026 - trừ 1 tháng làm KĐ-HC)				46.777.500	
1	Phương tiện đo pH	9	Lần	950.000	8.550.000	
2	Phương tiện đo Nhiệt độ	9	Lần	850.000	7.650.000	
3	Phương tiện đo COD	9	Lần	1.050.000	9.450.000	
4	Phương tiện đo TSS	9	Lần	1.050.000	9.450.000	
5	Phương tiện đo Amoni	9	Lần	1.050.000	9.450.000	
	CỘNG CHƯA VAT				44.550.000	
	THUẾ VAT (5%)				2.227.500	
IV	Chi phí thực hiện tại cơ sở				32.400.000	
1	Chi phí thực hiện tại cơ sở	10	Đợt	3.000.000	30.000.000	
	CỘNG CHƯA VAT				30.000.000	
	THUẾ VAT (8%)				2.400.000	
	TỔNG CHƯA BAO GỒM VAT (I + II + III + IV)				142.750.000	
	TỔNG ĐÃ BAO GỒM VAT (I + II + III + IV)				150.787.500	





1. The first line of text is a header or title, possibly indicating the document's purpose or origin.

2. The second line of text is a header or title, possibly indicating the document's purpose or origin.

3. The third line of text is a header or title, possibly indicating the document's purpose or origin.

4. The fourth line of text is a header or title, possibly indicating the document's purpose or origin.

5. The fifth line of text is a header or title, possibly indicating the document's purpose or origin.

6. The sixth line of text is a header or title, possibly indicating the document's purpose or origin.